

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2020.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Lê;

Bà Phan Thị Thúy Hằng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Cẩm Thoang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Xuân Kỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị K, sinh năm 1976; cư trú tại: Thôn Q, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975; cư trú tại: Thôn Q, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện ngày 04/9/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị K trình bày:* Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 1998 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì đến khoảng năm 2014 phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu bia và đánh bạc nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã; chị có khuyên nhiều lần nhưng anh T không nghe. Tháng 8/2019, anh T đánh chị gây thương tích nhẹ nên chị không báo cáo với chính quyền địa phương; từ đó, chị đã bỏ đi về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay, không còn quan tâm đến

nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1999 và Nguyễn Bảo T, sinh ngày 07/3/2006; cháu V đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, cháu T hiện đang ở với anh T. Ly hôn, cháu T muốn ở với cha nên chị đồng ý giao cháu cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời khai và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định; bị đơn vắng mặt là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; giao con chung cháu Nguyễn Bảo T cho bị đơn nuôi dưỡng, nguyên đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng; về tài sản chung: nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét; về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Lê Thị K và bị đơn anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp; hai người đã sống ly thân từ tháng 8/2019 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ quy

định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và Đại diện Viện kiểm sát, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1999 và Nguyễn Bảo T, sinh ngày 07/3/2006; cháu V đã trưởng thành và không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Đối với cháu T hiện nay đang ở với bị đơn và cháu cũng có nguyện vọng muốn ở với cha; do đó, nguyên đơn giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí:

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### ***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Lê Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con Nguyễn Bảo T, sinh ngày 07/3/2006 cho bị đơn anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng; nguyên đơn chị Lê Thị K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng; thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 8/2020 cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân gia đình. Nguyên đơn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai số 0013629, ngày 23/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên nên còn phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Hòa;
- UBND xã H;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS huyện Phú Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Khánh Thoa**